

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

THÔNG TƯ

**Quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu
quan trắc tài nguyên và môi trường**

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường.



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu gốc quan trắc tài nguyên và môi trường là dữ liệu được thu nhận từ các hoạt động quan trắc về tài nguyên và môi trường chưa qua quá trình chuẩn hóa.

2. Dữ liệu tổng hợp, chuyên đề quan trắc tài nguyên và môi trường là dữ liệu đã được tổng hợp, phân tích, xử lý và được tổ chức theo chủ đề cụ thể.

3. Dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

4. Cổng dữ liệu là điểm đầu mối truy cập thông tin, dữ liệu trên mạng Internet do bộ, ngành, địa phương quản lý phục vụ việc công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu; cung cấp các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, khai thác dữ liệu.

5. Hệ thống Danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam là hệ thống thu thập, lưu trữ, quản lý, chia sẻ dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại, mã định danh điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, phục vụ việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm sự thống nhất về danh mục trong toàn quốc (địa chỉ truy cập hệ thống là <http://dmdc.ngsp.gov.vn>).

Điều 4. Nguyên tắc cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

2. Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, tại các điều 5, 23 và 45 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP).

3. Cung cấp dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

4. Dữ liệu danh mục dùng chung quan trắc tài nguyên và môi trường phải được kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống Danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dữ liệu; quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân.

6. Phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Chương II

CUNG CẤP, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Mục 1

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Hệ thống cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia;
- b) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực;
- c) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bộ, ngành;
- d) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;
- đ) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế;
- e) Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường.

2. Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia là cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường được tổng hợp, liên kết, tích hợp từ các cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn quốc, phục vụ mục đích kết nối, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định, bao gồm:

- a) Dữ liệu chủ quan trắc tài nguyên và môi trường;
- b) Dữ liệu danh mục dùng chung quan trắc tài nguyên và môi trường;
- c) Dữ liệu tổng hợp, chuyên đề quan trắc tài nguyên và môi trường;
- d) Siêu dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường;
- đ) Danh mục dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường.

3. Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc theo lĩnh vực chuyên ngành tài nguyên và môi trường, bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực đất đai;
- b) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực tài nguyên nước;
- c) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, địa chất;
- d) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực môi trường;
- đ) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn;
- e) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực đo đạc và bản đồ;
- g) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;
- h) Cơ sở dữ liệu quan trắc thuộc lĩnh vực viễn thám;
- i) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật không thuộc trường hợp quy định từ điểm a đến điểm h khoản này.

4. Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều này thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh;
- b) Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường;
- c) Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

5. Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bộ, ngành là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành và do các bộ, ngành xây dựng, quản lý.

6. Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường do các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế xây dựng, quản lý.

Điều 6. Dữ liệu chủ quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu chủ quan trắc tài nguyên môi trường là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh và mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập về quan trắc tài nguyên và môi trường, bao gồm:

- a) Công trình quan trắc;
- b) Trạm quan trắc;
- c) Điểm quan trắc;
- d) Thông số đo;
- đ) Giá trị đo;

e) Mẫu;

g) Kết quả phân tích mẫu.

2. Chuẩn dữ liệu cho dữ liệu chủ quan trắc tài nguyên và môi trường được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Dữ liệu danh mục dùng chung quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu danh mục dùng chung quan trắc tài nguyên và môi trường là dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, được sử dụng chung trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất, bao gồm:

- a) Loại trạm quan trắc;
- b) Chỉ tiêu chất lượng đo;
- c) Đơn vị đo;
- d) Loại quan trắc;
- đ) Phương pháp quan trắc;
- e) Thiết bị quan trắc;
- g) Trạng thái thiết bị;
- h) Mùa;
- i) Vùng;
- k) Loại công trình.

2. Chuẩn dữ liệu cho dữ liệu danh mục dùng chung quan trắc tài nguyên và môi trường được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Siêu dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Đối với dữ liệu không gian áp dụng theo quy định tại Phụ lục I Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 42:2020/BTNMT về chuẩn thông tin địa lý cơ sở.

2. Đối với dữ liệu thuộc tính áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7980:2015 về Thông tin và tư liệu - Bộ yếu tố dữ liệu Dublin Core.

3. Đối với dữ liệu dạng ảnh áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 19115-2:2019 về Thông tin địa lý - Siêu dữ liệu - Phần 2: Mở rộng đối với dữ liệu ảnh và lưới - Thông tin địa lý - Mã hóa.

4. Đối với dữ liệu viễn thám áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 35/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia.

5. Đối với dữ liệu dạng video áp dụng Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 15938 (MPEG-7).

Điều 9. Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu mở quan trắc về tài nguyên và môi trường được xây dựng, cập nhật, duy trì

để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.

2. Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường là thành phần của cơ sở dữ liệu mở về tài nguyên và môi trường.

3. Dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường do các tổ chức, cá nhân cung cấp được cập nhật vào cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường và được kiểm tra trước khi công bố.

4. Dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường được đưa vào danh mục dữ liệu mở tài nguyên và môi trường để chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường phục vụ cung cấp, chia sẻ

1. Quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia:

a) Duy trì, cập nhật Kiến trúc của hệ thống cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường; quản trị hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Thiết lập, khởi tạo, quản trị, vận hành các nền tảng dùng chung phục vụ thu nhận, quản lý, lưu trữ, phân tích, xử lý, tổng hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu về quan trắc tài nguyên và môi trường; phân quyền quản lý, khai thác, sử dụng cho các đơn vị liên quan;

c) Xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường;

d) Tổng hợp danh mục dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường từ các lĩnh vực và công bố trên Cổng dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường giao Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường tổ chức thực hiện nội dung quy định tại khoản này.

2. Quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực:

a) Xây dựng, trình ban hành các quy định kỹ thuật, chuẩn hóa, cập nhật, duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp, cập nhật dữ liệu chủ, danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, siêu dữ liệu và các dữ liệu khác theo quy định cho cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường;

c) Cung cấp, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu gốc, các kết quả phân tích, xử lý, tổng hợp dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường;

d) Kiểm tra chất lượng dữ liệu về quan trắc tài nguyên và môi trường do các tổ chức, cá nhân cung cấp trước khi đưa vào sử dụng, công bố;

đ) Các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc tài

nguyên và môi trường lĩnh vực tổ chức thực hiện nội dung quy định tại khoản này.

3. Quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh:

a) Xây dựng, duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

b) Cung cấp, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cho cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia và cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực theo quy định;

c) Công bố danh mục dữ liệu mở về quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý;

d) Xây dựng, duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường của địa phương; Kiểm tra chất lượng dữ liệu về quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý do các tổ chức, cá nhân cung cấp trước khi đưa vào sử dụng, công bố;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện nội dung quy định tại khoản này.

4. Các bộ, ngành có thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường xây dựng, duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý và kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực.

5. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân cung cấp, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường với Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên môi trường quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 2

CUNG CẤP, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Mô hình kết nối dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Kết nối giữa các Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực, Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bộ, ngành với Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia hoặc nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường của tổ chức, cá nhân với Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh.



Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường giữa các cơ quan nhà nước

1. Kết nối, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo hình thức mặc định bao gồm các dữ liệu được quy định tại các điều 6, 7 và 8 của Thông tư này.

2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo yêu cầu đặc thù tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường:

a) Sử dụng dịch vụ dữ liệu làm phương thức để kết nối giữa các hệ thống thông tin với Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường (chuẩn RESTful API);

b) Cấu trúc gói tin sử dụng định dạng JSON (JavaScript Object Notation).

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Giao Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường xây dựng các dịch vụ dữ liệu chia sẻ mặc định và kết nối vào nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật kết nối, chia sẻ dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường;

b) Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tổ chức thực hiện kết nối và cung cấp dữ liệu chia sẻ mặc định từ Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Các bộ, ngành có thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kết nối và cung cấp dữ liệu chia sẻ mặc định từ Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 13. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định.

2. Trường hợp thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường được khai thác trên môi trường điện tử thông qua Cổng dữ liệu, dưới dạng các dịch vụ dữ liệu, thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có yêu cầu sử dụng dịch vụ thực hiện theo hướng dẫn trên Cổng dữ liệu và được xác thực thông qua Hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo đúng nội dung cam kết sử dụng dịch vụ dữ liệu và hướng dẫn của đơn vị cung cấp dữ liệu;

c) Trong quá trình khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân thông báo, phản ánh với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

Điều 14. Cung cấp dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường được cung cấp trên Cổng dữ liệu của bộ, ngành, địa phương thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu hoặc đóng gói và cho phép tổ chức, cá nhân tải về sử dụng.
2. Danh mục dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường phải được rà soát, sửa đổi (nếu có) theo tình hình thực tế và định kỳ; dữ liệu mở đã công bố theo danh mục phải được cập nhật hoặc bổ sung (nếu có) trong thời hạn không quá 03 tháng kể từ thời điểm công bố.
3. Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân trên Cổng dữ liệu để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu.
4. Khai thác, sử dụng dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 15. Bảo đảm an toàn thông tin trong cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

1. Các hệ thống thành phần quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT).
2. Các hệ thống thành phần quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này phải có phương án bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng đã được xác định quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT; phải có phương án giám sát an toàn thông tin đáp ứng các quy định tại Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin.
3. Các hệ thống thành phần quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin trước khi đưa vào sử dụng. Nội dung, tần suất và hình thức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, theo phương án bảo đảm an toàn thông tin được phê duyệt quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

cấp; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Cục Chuyên đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát hiện khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xem xét, giải quyết, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, PC, CĐS.

(Chữ ký)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

Phụ lục I

CHUẨN DỮ LIỆU CHỦ QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình quan trắc (mã: dmCongTrinhQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã công trình quan trắc	MACONGTRINH	Chuỗi ký tự
2	Ký hiệu	KYHIEU	Chuỗi ký tự
3	Loại công trình quan trắc	LOAICONGTRINH	Chuỗi ký tự
4	Tên công trình quan trắc	TENCONGTRINH	Chuỗi ký tự
5	Địa chỉ công trình quan trắc	DIACHI	Chuỗi ký tự
6	Đơn vị quản lý, vận hành	DONVIQLVH	Chuỗi ký tự

2. Trạm quan trắc (mã: dmTramQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã trạm	MATRAM	Chuỗi ký tự
2	Ký hiệu trạm	KYHIEU	Chuỗi ký tự
3	Tên trạm quan trắc	TENTRAM	Chuỗi ký tự
4	Loại trạm quan trắc: định kỳ, tự động...	LOAITRAM	Chuỗi ký tự
5	Địa chỉ của trạm	DIACHI	Chuỗi ký tự
6	Tọa độ vuông góc phẳng X của trạm theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000	TOADOX	Số thực
7	Tọa độ vuông góc phẳng Y của trạm theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000	TOADOY	Số thực
8	Độ cao của trạm theo hệ thống độ cao quốc gia	DOCAO	Số thực
9	Trạng thái hoạt động của trạm quan trắc	TRANGTHAI	Chuỗi ký tự
10	Đơn vị quản lý, vận hành	DONVIQLVH	Chuỗi ký tự



3. Điểm quan trắc (mã: dmDiemQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã điểm quan trắc	MADIEM	Chuỗi ký tự
2	Ký hiệu điểm quan trắc	KYHIEU	Chuỗi ký tự
3	Tên điểm quan trắc	TENDIEM	Chuỗi ký tự
4	Địa điểm quan trắc	DIADIEM	Chuỗi ký tự
5	Tọa độ vuông góc phẳng X của điểm quan trắc theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000	TOADOX	Số thực
6	Tọa độ vuông góc phẳng Y của điểm quan trắc theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000	TOADOY	Số thực
7	Độ cao của điểm quan trắc theo hệ thống độ cao quốc gia	DOCAO	Số thực
8	Đơn vị quản lý, vận hành	DONVIQLVH	Chuỗi ký tự

4. Thông số đo (mã: dmThongSoDo)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã thông số đo	MATHONGSO	Chuỗi ký tự
2	Ký hiệu thông số đo	KYHIEU	Chuỗi ký tự
3	Tên thông số đo	TENTHONGSO	Chuỗi ký tự
4	Đơn vị tính của thông số đo	DONVITINH	Chuỗi ký tự

5. Giá trị đo (mã: dmGiaTriDo)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Giá trị đo của thông số đo	GIATRIDO	Số thực
2	Thời điểm đo	THOIDIEMDO	Thời gian
3	Độ cao/độ sâu (vị trí quan trắc tương ứng với giá trị đo, nếu có)	VITRIDO	Số thực

6. Mẫu (mã: dmMauQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã mẫu	MAMAU	Chuỗi ký tự
2	Mô tả	MOTA	Chuỗi ký tự
3	Địa điểm lấy mẫu	DIADIEM	Chuỗi ký tự
4	Tọa độ vuông góc phẳng X của điểm lấy mẫu theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000	TOADOX	Số thực
5	Tọa độ vuông góc phẳng Y của điểm lấy mẫu theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000	TOADOY	Số thực
6	Độ cao của điểm lấy mẫu theo hệ thống độ cao quốc gia	DOCAO	Số thực
7	Thiết bị lấy mẫu	THIETBILAYMAU	Chuỗi ký tự
8	Điều kiện lấy mẫu	DIEUKIENLAYMAU	Chuỗi ký tự
9	Bảo quản mẫu	BAOQUANMAU	Chuỗi ký tự
10	Người thực hiện	NGUOILAYMAU	Chuỗi ký tự
11	Thời điểm thực hiện	THOIDIEMLAYMAU	Thời gian
12	Khoảng thời gian thực hiện việc đo mẫu	THOIGIANDOMAU	Số thực
13	Thông tin về đơn vị thực hiện lấy mẫu	DONVILAYMAU	Chuỗi ký tự
14	Thông tin về đơn vị được lấy mẫu	DONVIDUOCLAYMAU	Chuỗi ký tự

7. Kết quả phân tích mẫu (mã: dmKetQuaPhanTich)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Thiết bị phân tích	THIETBIPHANTICH	Chuỗi ký tự
2	Phương pháp phân tích	PHUONGPHAPPHANTICH	Chuỗi ký tự
3	Người thực hiện	NGUOITHUCHIEN	Chuỗi ký tự

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
4	Thời điểm thực hiện	THOIDIEMTHUCHIEN	Thời gian
5	Thông tin về đơn vị thực hiện phân tích mẫu	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự
6	Kết quả phân tích	KETQUAPHANTICH	Chuỗi ký tự



Phụ lục II
CHUẨN DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Loại trạm quan trắc (mã: dmLoaiTramQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã loại trạm quan trắc	MATRAM	Chuỗi ký tự
2	Tên loại trạm quan trắc	TENTRAM	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTATRAM	Chuỗi ký tự

2. Chỉ tiêu chất lượng đo (mã: dmChiTieuCLDo)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã chỉ tiêu chất lượng đo	MACHITIEU	Chuỗi ký tự
2	Tên chỉ tiêu chất lượng đo	TENCHITIEU	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTACHITIEU	Chuỗi ký tự

3. Đơn vị đo (mã: dmDonViDo)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã đơn vị đo	MADONVIDO	Chuỗi ký tự
2	Tên đơn vị đo	TENDONVIDO	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTADONVIDO	Chuỗi ký tự

4. Loại quan trắc (mã: dmLoaiQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã loại quan trắc	MALOAQIT	Chuỗi ký tự
2	Tên loại quan trắc	TENLOAQIT	Chuỗi ký tự

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
3	Mô tả chi tiết	MOTALOAIQT	Chuỗi ký tự

5. Phương pháp quan trắc (mã: dmPhuongPhapQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã phương pháp quan trắc	MAPHUONGPHAPQT	Chuỗi ký tự
2	Tên phương pháp quan trắc	TENPHUONGPHAPQT	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTAPHUONGPHAPQT	Chuỗi ký tự

6. Thiết bị quan trắc (mã: dmThietBiQT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã thiết bị quan trắc	MATHIETBI	Chuỗi ký tự
2	Tên thiết bị quan trắc	TENTHIETBI	Chuỗi ký tự
3	Ký hiệu	KYHIEU	Chuỗi ký tự
4	Xuất xứ	XUATXU	Chuỗi ký tự
5	Mô tả chi tiết	MOTATHIETBI	Chuỗi ký tự

7. Trạng thái thiết bị (mã: dmTrangThaiTB)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã trạng thái thiết bị	MATRANGTHAITB	Chuỗi ký tự
2	Trạng thái thiết bị	TRANGTHAITB	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTATRANGTHAITB	Chuỗi ký tự

8. Mùa (mã: dmMùa)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã mùa	MAMUA	Chuỗi ký tự
2	Tên mùa	TENMUA	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTAMUA	Chuỗi ký tự

9. Vùng (mã: dmVung)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự
2	Tên vùng	TENVUNG	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTAVUNG	Chuỗi ký tự

10. Loại công trình (mã: dmLoaiCT)

STT	Mô tả	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu
1	Mã loại công trình	MALOAICT	Chuỗi ký tự
2	Tên loại công trình	TENLOAICT	Chuỗi ký tự
3	Mô tả chi tiết	MOTALOAICT	Chuỗi ký tự